Cơ quan phát hành: Văn phòng Chính phủ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 643 /QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Đề án nâng cao năng lực quản lý nhà nước về thủy sản

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thuỷ sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án nâng cao năng lực quản lý nhà nước về thủy sản (sau đây gọi tắt là Đề án) với nội dung như sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về thủy sản phải phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển ngành thủy sản bền vững.

2. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về thủy sản phải đảm bảo tính toàn diện, đồng bộ, liên thông; kết hợp hài hoà giữa kế thừa, ổn định với đổi mới và phát triển, góp phần thực hiện mục tiêu Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được phê duyệt tại Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về thủy sản gắn với cải cách hành chính, áp dụng hiệu quả công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các hoạt động quản lý nhà nước để tiếp cận với xu thế quản lý nghề cá tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Năng lực quản lý nhà nước về thủy sản được nâng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững ngành thủy sản trong bối cảnh hội nhập quốc tế, góp phần đạt được các mục tiêu của Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật chuyên ngành thủy sản được rà soát, sửa đổi, bổ sung đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, phát triển thủy sản bền vững. Các quy hoạch, chương trình, đề án, dự án thực hiện Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được phê duyệt, bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả.

- Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thủy sản từ trung ương đến địa phương được kiện toàn, tổ chức, sắp xếp phù hợp với quy định của pháp luật liên quan, yêu cầu và nhu cầu quản lý nhà nước theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

+ Địa vị pháp lý và tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ của văn phòng đại diện thanh tra, kiểm soát nghề cá tại các tỉnh, thành phố thuộc trung ương ven biển có cảng cá do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định được xác định, củng cố, tăng cường để phục vụ hiệu quả nhiệm vụ quản lý nhà nước về xác nhận, chứng nhận nguồn gốc thủy sản xuất khẩu.

+ Tăng cường hiệu quả hoạt động của các Ban quản lý khu bảo tồn biển, xây dựng và thực thi quy chế phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước, lực lượng chuyên trách trong kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm và thực hiện các nhiệm vụ về bảo tồn, phát triển nguồn lợi thủy sản.

+ Kiểm ngư địa phương được thành lập, kiện toàn theo Luật Thủy sản năm 2017 và Đề án tổng thể phát triển lực lượng kiểm ngư đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phân cấp quản lý nhà nước về thủy sản giữa các cơ quan, đơn vị ở trung ương và giữa trung ương với địa phương được thực hiện triệt để, rõ ràng, minh bạch theo hướng một đơn vị chịu trách nhiệm và thực hiện nhiều nhiệm vụ.

- Nguồn nhân lực tham gia trực tiếp vào hoạt động quản lý nhà nước về thuỷ sản được tăng cường về số lượng và chất lượng; có kỹ năng và kiến thức thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu vị trí việc làm.

- Cơ quan quản lý thủy sản thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trực thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ven biển hoặc các địa phương có ngành thủy sản phát triển ưu tiên bố trí ít nhất 01 biên chế có chuyên môn đào tạo về thuỷ sản để theo dõi và thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước.

- Công nghệ thông tin và chuyển đổi số được ứng dụng vào các hoạt động quản lý nhà nước ngành thủy sản để đảm bảo công tác chỉ đạo điều hành được thông suốt, kịp thời, hiệu quả từ trung ương đến địa phương.

b) Đến năm 2030

- Quản lý nhà nước về thuỷ sản được tổ chức theo các mô hình tiên tiến, phù hợp với nghề cá quy mô lớn, công nghiệp, hiện đại để thúc đẩy phát triển sản xuất bền vững.

- Nguồn nhân lực quản lý nhà nước về thủy sản đáp ứng đủ số lượng, đảm bảo chất lượng; 100% công chức quy hoạch lãnh đạo cục, lãnh đạo phòng và tương đương được cử đi đào tạo lý luận chính trị, ngoại ngữ và chuyên môn nghiệp vụ theo quy định. Công tác luân chuyển, biệt phái công chức quản lý được tăng cường để đào tạo, bồi dưỡng và rèn luyện thực tiễn.

- Quản lý nhà nước về thủy sản dựa trên công nghệ thông tin và chuyển đổi số để đáp ứng với nhu cầu phát triển nghề cá quy mô lớn, công nghiệp, hiện đại ở tất cả các lĩnh vực trong ngành. Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản được xây dựng, cập nhật thường xuyên và tích hợp để phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện hệ thống thể chế pháp lý - kỹ thuật về thủy sản

a) Lập kế hoạch xây dựng, rà soát văn bản pháp luật hàng năm, 05 năm để loại bỏ, sửa đổi những quy định không phù hợp hoặc bổ sung những quy định còn thiếu kịp thời phục vụ sản xuất và quản lý nhà nước về thủy sản. Gắn nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật đến các đối tượng có liên quan ngay trong quá trình xây dựng và sau khi được ban hành; thường xuyên tổ chức đánh giá, tổng kết việc triển khai, thực hiện các văn bản để kịp thời, điều chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế nếu có.

b) Tổ chức triển khai đồng bộ, kịp thời, hiệu quả chiến lược, chương trình, đề án, dự án, chính sách liên quan đến lĩnh vực thủy sản đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Xây dựng bộ tiêu chí và hướng dẫn để theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chiến lược, quy hoạch, chương trình, đề án, dự án và các chính sách về thủy sản.

c) Rà soát để thay thế, sửa đổi tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam, định mức kinh tế kỹ thuật trong lĩnh vực thủy sản không còn phù hợp với thực tiễn sản xuất và yêu cầu quản lý. Tiến hành xây dựng mới các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam, định mức kinh tế kỹ thuật phục vụ phát triển sản xuất và quản lý, trong đó

ưu tiên xây dựng cho các đối tượng nuôi mới, có giá trị, có tiềm năng phát triển; khu vực bến cá, cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão; khu vực thu gom xử lý chất thải, rác thải trong sản xuất; hệ thống kho lạnh; cơ sở hạ tầng nuôi biển ....

2. Kiện toàn, củng cố cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản

a) Tại trung ương

- Sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp trung ương phù hợp với Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động để quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tham mưu, quản lý nhà nước về thủy sản tại trung ương và địa phương; phân định rõ nhiệm vụ quản lý nhà nước và dịch vụ công.

- Nghiên cứu, xây dựng và áp dụng thử nghiệm các mô hình quản lý nhà nước về thủy sản phù hợp với điều kiện của từng địa phương và xu thế quản lý nghề cá của các nước tiên tiến trên thế giới.

- Xây dựng và áp dụng các tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ công trong lĩnh vực thuỷ sản làm căn cứ tổng kết và nâng cao chất lượng dịch vụ công.

b) Tại địa phương

- Sắp xếp tổ chức, bộ máy quản lý thủy sản tại địa phương theo các quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Nội vụ, phù hợp với điều kiện của địa phương theo hướng tinh gọn, hiệu quả và không chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị.

- Đánh giá hiệu quả hoạt động của các mô hình tổ chức quản lý ngành thủy sản tại địa phương để tổ chức, sắp xếp lại phù hợp với điều kiện thực tế trên nguyên tắc hiệu quả quản lý được cải thiện, nâng cao và toàn diện, đồng thời đảm bảo tinh gọn, không tăng số lượng biên chế. Đối với các tỉnh/thành phố có ngành thủy sản phát triển, đóng góp lớn về khối lượng, giá trị và kim ngạch xuất khẩu, tổ chức cơ quan quản lý nhà nước thủy sản chuyên trách, có đủ thẩm quyền và nguồn nhân lực theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương; tại địa phương còn lại sẽ hình thành bộ phận chuyên môn để tham mưu, quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc thuộc Chi cục chuyên ngành với số lượng định biên và năng lực cán bộ theo đề án vị trí việc làm để đảm bảo đủ năng lực quản lý nhà nước chuyên ngành thủy sản.

- Quan tâm, bố trí, sắp xếp ít nhất 01 cán bộ có chuyên môn về thủy sản theo dõi, quản lý tại các đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về thủy sản ở cấp huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương ven biển và địa phương khác có ngành Thủy sản phát triển.

- Củng cố địa vị pháp lý văn phòng đại diện thanh tra, kiểm soát nghề cá tại cảng cá do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định để thanh tra, kiểm tra, kiểm soát tàu cá cập cảng phục vụ xác nhận, chứng nhận nguồn gốc thủy sản xuất khẩu. Thành phần nhân sự và quy mô của văn phòng thực hiện theo các quy định liên quan, điều kiện thực tế của địa phương và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Tăng cường hiệu quả hoạt động của các Ban quản lý khu bảo tồn biển; xây dựng và thực thi quy chế phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước, lực lượng chuyên trách trong kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm và thực hiện các nhiệm vụ về bảo tồn, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

- Thành lập kiểm ngư địa phương tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ven biển theo Luật Thủy sản năm 2017 và Đề án tổng thể phát triển lực lượng kiểm ngư đến năm 2030, định hướng đến năm 2045.

3. Phân cấp quản lý nhà nước về thủy sản

a) Rà soát các văn bản phân cấp quản lý nhà nước giữa trung ương với địa phương và các đơn vị ở trung ương để điều chỉnh, bổ sung, điều chỉnh kịp thời, nhằm phát huy được năng lực quản lý nhà nước về thủy sản ở các cấp.

b) Đẩy mạnh phân cấp cho cơ quan quản lý các cấp từ trung ương đến địa phương về quản lý thủy sản phù hợp với điều kiện của từng cơ quan, địa phương nhằm tăng cường sự chủ động trong bố trí nguồn lực, kinh phí và triển khai nhiệm vụ. Tăng cường phân cấp gắn liền với thanh tra, kiểm tra, giám sát, công tác hậu kiểm và trách nhiệm của người đứng đầu.

4. Phát triển nguồn nhân lực quản lý nhà nước về thủy sản

a) Xây dựng danh mục vị trí việc làm, biên chế, số người làm việc dựa trên các quy định của pháp luật, điều kiện đặc thù về ngành thủy sản của địa phương theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

b) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua việc xây dựng chương trình đào tạo đảm bảo cung cấp kiến thức toàn diện về quản lý nhà nước và kiến thức chuyên ngành thuỷ sản. Xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ quản lý về thủy sản các kỹ năng tham mưu, xây dựng, tổ chức triển khai chính sách, văn bản quy phạm pháp luật phục vụ quản lý nhà nước về thủy sản.

c) Căn cứ các quy định pháp luật liên quan để xây dựng cơ chế thu hút cán bộ trẻ có trình độ cao tham gia công tác quản lý thủy sản bằng nhiều hình thức (thi tuyển, tiếp nhận không qua thi tuyển, xét tuyển); thường xuyên tổ chức tập huấn nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về thủy sản.

d) Xây dựng kế hoạch luân chuyển, biệt phái công chức, viên chức thuộc các cơ quan quản lý thuỷ sản từ trung ương đến địa phương, từ cấp tỉnh về cấp huyện; luân chuyển, biệt phái giữa các cơ quan, đơn vị phù hợp với tình hình

thực tế, năng lực, sở trường của cá nhân và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ. Gắn đào tạo, bồi dưỡng với công tác quy hoạch và bổ nhiệm. Đảm bảo đủ số lượng lãnh đạo quản lý các cấp để tham mưu, thực thi nhiệm vụ.

đ) Xây dựng các nhiệm vụ đặt hàng đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực khai thác thủy sản, kiểm ngư gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng lao động sau đào tạo; lựa chọn các sinh viên xuất sắc, có thành tích trong học tập, nghiên cứu để đào tạo, phát triển, tạo nguồn nhân lực quản lý trong lĩnh vực khai thác thuỷ sản, kiểm ngư.

e) Tăng cường cử cán bộ quản lý tham dự các hội thảo quốc tế, khảo sát nước ngoài, hợp tác nghiên cứu với các đối tác quốc tế, tham gia các mạng lưới và diễn đàn quốc tế chuyên ngành... nhằm chia sẻ kinh nghiệm, phối hợp nghiên cứu, chuyển giao công nghệ về thuỷ sản và nâng cao năng lực ngoại ngữ, năng lực hội nhập quốc tế.

g) Thực hiện cơ cấu, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong ngành thủy sản theo vị trí việc làm, khung năng lực, đảm bảo đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu.

5. Áp dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thủy sản

a) Đầu tư, kêu gọi, thu hút đầu tư để nâng cấp trang thiết bị, phương tiện làm việc cho cơ quan, công chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thủy sản.

b) Xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng, tích hợp phần mềm, hệ cơ sở dữ liệu quản lý chuyên ngành thủy sản gắn với việc phân cấp quản lý, truy cập khai thác, sử dụng phần mềm, hệ cơ sở dữ liệu quản lý chuyên ngành thủy sản từ trung ương tới địa phương.

c) Kế thừa, phát triển và đầu tư, mở rộng, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin hiện có để phục vụ quản lý phù hợp với xu thế chung của quản lý nghề cá hiện đại trong khu vực và trên thế giới.

d) Huy động nguồn lực từ các nguồn hợp pháp, ODA,... để đầu tư, nâng cấp phần mềm, cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ quản lý. Đảm bảo đầu tư đủ, dứt điểm, hoàn thiện từng hạng mục để khai thác hiệu quả nguồn đầu tư.

6. Một số nhiệm vụ và giải pháp khác

a) Tăng cường và đổi mới hình thức, phương pháp thanh tra, kiểm tra, giám sát chuyên ngành thủy sản phù hợp để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

b) Xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức triển khai hợp tác quốc tế trong nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, thương mại thủy sản để phục vụ quản lý, sản xuất.

c) Đổi mới hình thức kiểm soát, giám sát các nhiệm vụ khoa học công nghệ trong lĩnh vực thủy sản để nâng cao chất lượng sản phẩm khoa học công nghệ, đáp ứng yêu cầu quản lý, sản xuất.

7. Danh mục các dự án ưu tiên

a) Dự án đào tạo phát triển nguồn nhân lực quản lý nhà nước ngành thủy sản từ trung ương đến địa phương.

b) Dự án nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới phần mềm quản lý nhà nước chuyên ngành, hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản.

c) Dự án đầu tư nâng cấp trang thiết bị phục vụ quản lý nhà nước ngành thủy sản.

d) Đề án phát triển khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế về thủy sản.

đ) Dự án xây dựng bộ tiêu chí đánh giá kết quả quản lý nhà nước, thực hiện các quy hoạch, chương trình, đề án, dự án thực hiện Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện dịch vụ công.

e) Dự án xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật ngành thủy sản.

g) Dự án xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam ngành thủy sản.

(Chi tiết danh mục dự án ưu tiên tại Phụ lục kèm theo).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Là cơ quan đầu mối chỉ đạo và tổ chức thực hiện Đề án trên phạm vi cả nước,có nhiệm vụ:

a) Xây dựng kế hoạch chi tiết, phối hợp với các cơ quan liên quan và các địa phương tổ chức thực hiện Đề án bảo đảm hiệu quả.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương triển khai những nội dung được giao trong Đề án.

c) Chủ trì thực hiện các dự án, chương trình đã nêu trong Đề án đảm bảo đạt được các nội dung, mục tiêu đã đề ra.

d) Bố trí kinh phí hoạt động thường xuyên cho hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá; tổ chức hội thảo, hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết thực hiện Đề án.

đ) Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Đề án hàng năm; đến năm 2025 tổ chức sơ kết, năm 2030 tổ chức tổng kết Đề án để kịp thời đề xuất, kiến nghị trình Thủ tướng Chính phủ quyết định những vấn đề phát sinh, vượt thẩm quyền, bổ sung, điều chỉnh Đề án, các dự án ưu tiên phù hợp với điều kiện thực tiễn.

2. Bộ Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách trung ương, trên cơ sở đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành liên quan tổng hợp trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của ngân sách trung ương, trình cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn để thực hiện Đề án và các dự án ưu tiên theo danh mục đề xuất.

3. Bộ Nội vụ

Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thực hiện các Thông tư liên quan đến chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về thủy sản ở địa phương theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp và hiệu quả.

4. Các bộ, ngành có liên quan khác

Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện có hiệu quả các nội dung của Đề án này.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Căn cứ nội dung Đề án, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức triển khai hiệu quả Đề án này.

b) Tổ chức sắp xếp, kiện toàn, củng cố và tăng cường năng lực hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản tại địa phương.

c) Rà soát, kiện toàn địa vị pháp lý, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và điều kiện làm việc của văn phòng đại diện thanh tra, kiểm soát nghề cá tại cảng và Ban quản lý Khu bảo tồn biển theo Đề án này.

d) Bố trí kinh phí thực hiện Đề án đối với các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của ngân sách địa phương theo quy định phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 2. Kinh phí thực hiện Đề án được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có), đảm bảo theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2). Khánh 100

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Lưu Quang



Phụ lục

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊU TRONG ĐỀ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 643 /QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên Dự án	Mục tiêu	Nội dung chính	Dự kiến sản phẩm	Cấp phê duyệt	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự trù kinh phí	
								2023 - 2025	2026 - 2030
1	Dự án đào tạo phát triển nguồn nhân lực quản lý nhà nước ngành thủy sản từ trung ương đến địa phương	Có đủ nguồn nhân lực đảm bảo chất lượng phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước ngành thủy sản đến năm 2030 theo mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ của Chiến lược thủy sản tại Quyết định 339/QĐ-TTg	- Đào tạo, bồi dưỡng về quản lý nhà nước. - Đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ. - Đào tạo, bồi dưỡng về ngoại ngữ. - Đào tạo, bồi dưỡng để vận hành, sử dụng thiết bị và phần mềm quản lý nhà nước. - Đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng tham mưu và xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. - Đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng quản lý khu bảo tồn biển, cảng cá, bến cá và kỹ năng quản lý tổng hợp, kết nối và xây dựng các mô hình liên kết, hợp tác trong sản xuất nội ngành và giữa ngành thủy sản với các ngành kinh tế khác.	Đến năm 2030, cán bộ tham gia quản lý nhà nước về thủy sản được đào tạo, bồi dưỡng ít nhất 1 lượt (trung bình 1 năm đào tạo được từ 10 - 15%)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Cục Thủy sản, Cục Kiểm ngư	Viện, trường, cơ quan quản lý nhà nước thủy sản địa phương	15 tỷ đồng NSNN: 10 tỷ đồng; Huy động 5 tỷ đồng	35 tỷ đồng NSNN: 20 tỷ đồng; Huy động 15 tỷ đồng

2	Dự án nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới phần mềm quản lý nhà nước chuyên ngành, hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản.	Đáp ứng yêu cầu quản lý nghề cá trong nền công nghiệp 4.0, xử lý, chỉ đạo kịp thời, chính xác, hiệu quả.	- Xây dựng phần mềm: + Xây dựng phần mềm Hệ thống chỉ đạo, điều hành/giao ban trực tuyến giữa Cục Thủy sản và các Chi cục Thủy sản; Cục Kiểm ngư với các Chi cục vùng. + Xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu quản lý nguồn nhân lực ngành thuỷ sản thuộc cơ sở dữ liệu quốc gia về thuỷ sản. - Xây dựng cơ sở dữ liệu và phần mềm về quản lý tàu cá tại cảng (Đã đăng ký với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). + Xây dựng cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý đăng ký cơ sở nuôi trồng thủy sản (Đã đăng ký với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). - Nâng cấp, mở rộng phần mềm: + Nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới cơ sở dữ liệu về quản lý giống, thức ăn, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản. + Nâng cấp, mở rộng phần mềm cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia (Vnfishbase). + Nâng cấp, mở rộng phần mềm cơ sở dữ liệu cá tra. + Nâng cấp, mở rộng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu và phản hồi kết quả quan trắc môi trường thủy sản. + Nâng cấp, mở rộng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.	- Hệ thống phần mềm được hoàn thiện, nâng cấp, mở rộng đáp ứng yêu cầu chỉ đạo điều hành sản xuất. - Hệ thống cơ sở dữ liệu nghề cá (các lĩnh vực trong ngành) được cập nhật thường xuyên để chia sẻ cho các đơn vị có liên quan phục vụ quản lý và nghiên cứu.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Cục Thủy sản, Cục Kiểm ngư	Các đơn vị quản lý nhà nước về thủy sản tại địa phương; Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	40 tỷ đồng NSNN: 15 tỷ đồng; Huy động 25 tỷ đồng	60 tỷ đồng NSNN: 20 tỷ đồng; Huy động 40 tỷ đồng

3	Dự án đầu tư nâng cấp trạng thiết bị phục vụ quản lý nhà nước ngành thủy sản	Được trang bị đầy đủ thiết bị và điều kiện làm việc để nâng cao hiệu quả công tác quản lý ngành thủy sản, phù hợp với quản lý nghề cá tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới.	- Đầu tư trang thiết bị phục vụ kiểm tra, giám sát quản lý nhà nước về hoạt động sản xuất trong toàn ngành thủy sản từ trung ương đến địa phương, đặc biệt là các tỉnh có nghề cá trọng điểm. - Đầu tư hạ tầng công nghệ 4.0 để phục vụ quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất toàn ngành thủy sản.	Hệ thống trang thiết bị thiết yếu và cơ sở hạ tầng, điều kiện làm việc được nâng cấp, đáp ứng tiêu chuẩn chung để thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về thủy sản từ trung ương đến địa phương.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Cục Thủy sản, Cục Kiểm ngư	Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản tại địa phương; Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	100 tỷ đồng NSNN: 40 tỷ đồng; Huy động 60 tỷ đồng	200 tỷ đồng NSNN: 80 tỷ đồng; Huy động 120 tỷ đồng
4	Đề án phát triển khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế về thủy sản	Phát triển khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế trong ngành thủy sản có trọng tâm, trọng điểm là cơ sở để nâng cao vai trò, vị thế, giá trị của ngành thủy sản Việt Nam trên trường quốc tế.	- Xây dựng các nhiệm vụ khoa học công nghệ của các lĩnh vực ngành thủy sản theo từng giai đoạn. - Xây dựng kế hoạch hợp tác quốc tế đa phương, song phương trong các lĩnh vực ngành. - Xây dựng kế hoạch thu hút nguồn lực từ các tổ chức, quốc gia hợp tác nghề cá với Việt Nam.	Đề án phát triển khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế đến năm 2030 phù hợp với điều kiện thực tiễn, đủ cơ sở khoa học.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Cục Thủy sản, Cục Kiểm ngư	Các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1,5 tỷ đồng NSNN 1,5 tỷ đồng	

5	Dự án xây dựng bộ tiêu chí đánh giá kết quả quản lý nhà nước thực hiện các quy hoạch, chương trình, đề án, dự án thực hiện Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện dịch vụ công.	Xây dựng được bộ tiêu chí để đánh giá tình hình thực hiện, triển khai các chương trình, đề án, dự án từ nguồn ngân sách nhà nước (toàn phần hoặc một phần) và đánh giá hiệu quả các dịch vụ công làm cơ sở thúc đẩy, điều chỉnh kịp thời các hạng mục phù hợp với điều kiện thực tế, góp phần tối đa hóa hiệu quả đầu tư.	- Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá kết quả quản lý nhà nước thực hiện các chương trình. - Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá kết quả quản lý nhà nước thực hiện các Đề án. - Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá kết quả quản lý nhà nước thực hiện các Dự án. - Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện dịch vụ công.	Bộ tiêu chí đánh giá hoạt động quản lý nhà nước về thực hiện Chương trình, đề án, dự án trong Chiến lược thủy sản và hiệu quả thực hiện dịch vụ công được hoàn thiện, ban hành.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Cục Thủy sản, Cục Kiểm ngư	Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản; Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản tại địa phương	2 tỷ đồng NSNN 2 tỷ đồng	

6	Dự án xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật ngành thủy sản	Xây dựng được các Định mức kinh tế kỹ thuật (Định mức KT-KT) ngành thủy sản làm căn cứ để đầu tư, phát triển sản xuất.	- Xây dựng định mức KT-KT vùng thu gom, xử lý nước thải, chất thải tập trung. - Xây dựng định mức KT-KT trạm bờ phục vụ nuôi biển. - Xây dựng định mức KT-KT kho lạnh bảo quản sản phẩm thủy sản. - Xây dựng định mức KT-KT hệ thống quan trắc, cảnh báo môi trường vùng nuôi trồng thủy sản tập trung. - Xây dựng định mức KT-KT để mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác quản lý ngành thủy sản ở trung ương và địa phương. - Xây dựng định mức KT-KT lập khu bảo tồn biển. - Xây dựng định mức KT-KT về khảo sát đánh giá nguồn lợi, trữ lượng thủy sản. - Xây dựng các định mức KT-KT trong nuôi trồng thủy sản, giống thủy sản, thức ăn thủy sản, chất xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản.	Định mức kinh tế kỹ thuật được xây dựng và ban hành.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Cục Thủy sản, Cục Kiểm ngư	Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản và các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3 tỷ đồng NSNN: Chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên 3 tỷ đồng	7 tỷ đồng NSNN: Chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên 7 tỷ đồng

7	Dự án xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam ngành Thủy sản	Xây dựng được hệ thống Quy chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn Việt Nam (QCVN, TCVN) đồng bộ, hoàn thiện để phục vụ quản lý và phát triển sản xuất bền vững	- Xây dựng các QCVN (Về thức ăn thuỷ sản; Chất cải tạo, xử lý môi trường thuỷ sản; Mức giới hạn cho phép các nguyên tố trong thức ăn thuỷ sản; Giới hạn trong chất cải tạo, xử lý môi trường thuỷ sản; Giống thuỷ sản; Quy trình nuôi thủy sản; An toàn lao động nuôi biển; Cơ sở kinh doanh cá cảnh, thủy sinh vật cảnh; Cơ sở sản xuất giống cá cảnh, sinh vật cảnh; Quy trình khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định; Hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải trong nuôi tôm thâm canh; Hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải trong nuôi cá tra; Vùng nuôi tôm sinh thái; Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung - Yêu cầu kỹ thuật; Vùng nuôi trồng thủy sản công nghệ cao - Yêu cầu kỹ thuật; Cơ sở sản xuất giống công nghệ cao - Yêu cầu kỹ thuật; Xây dựng lại QCVN- Nuôi trồng thủy sản lồng bè trên sông/hồ - Yêu cầu kỹ thuật; Tàu cá; cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão; Lồng bè nuôi trồng thuỷ sản trên biển; An toàn lao động khai thác thuỷ sản; Về cơ khí tàu cá và thiết bị khai thác trên tàu cá; Về phân cấp đóng tàu cá và trang bị an toàn tàu cá,..)	QCVN, TCVN được xây dựng và ban hành.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Cục Thủy sản, Cục Kiểm ngư	Các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	5 tỷ đồng NSNN nguồn Nhiệm vụ thường xuyên 5 tỷ đồng	10 tỷ đồng NSNN nguồn Nhiệm vụ thường xuyên 10 tỷ đồng

			- Tiêu chuẩn Việt Nam (Thiết bị khai thác thủy sản - Lưới mành - Thông số kích thước cơ bản; Thiết bị khai thác thủy sản - Lưới vây cá cơm - Thông số kích thước cơ bản; Giống Cua biển - Yêu cầu kỹ thuật; Nước nuôi trồng thủy sản: Nuôi cá tra thâm canh - Yêu cầu chất lượng; Hầm bảo quản trên tàu cá - Yêu cầu kỹ thuật; Chất lượng sản phẩm kích dục tố cho cá đẻ (HCG) - Yêu cầu kỹ thuật; Cảng cá - Yêu cầu chung; Phương pháp cảm quan đánh giá chất lượng mực ống; Quy trình kỹ thuật nuôi tôm sinh thái; Giống tôm càng xanh; Giống tôm hùm; Giống cá chình; Giống cá bống tượng; Giống rong, tảo biển; Giống cá cảnh nước ngọt; Giống cá cảnh biển; Giống ốc nhồi; Giống ếch; Giống cá chày mắt đỏ; Giống cá trắm đen; Giống cá lăng nha đuôi đỏ; Giống cá thác lác cườm,...).						
								166,5 tỷ đồng NSNN: 76,5 tỷ đồng Nguồn vốn khác: 90 tỷ đồng	312 tỷ đồng; NSNN: 137 tỷ đồng Nguồn vốn khác: 175 tỷ đồng
	Tổng cộng							**478,5 tỷ đồng**, trong đó: - NSNN: 213,5 tỷ đồng - Nguồn khác: 265 tỷ đồng	